|  |  |
| --- | --- |
| **@Column(**  name,  length,  nullable,  unique,  insertable,  updateable,  columnDefinition**)** | Chỉ định thuộc tính trong java class ánh xạ tới column nào trong table.  Nếu tên field trùng tên với tên column trong table thì có thể không cần thuộc tính này  **Option**   * **name**: tên field   VD: name = "group\_name"   * **length**: độ dài của field   Default là 255 đối với varchar  VD: length = 200   * **nullable**: field not null   VD: nullable = false   * **unique**: constraint unique   VD: unique = false   * **insertable**: có thể insert vào database   Default = true;  VD: insertable = false   * **updateable:** có thể update vào database   Default = true  VD: updateable = false   * **columnDefinition**   VD: set default  columnDefinition = "int default 100"  [*https://stackoverflow.com/questions/3110266/how-to-set-default-value-in-hibernate*](https://stackoverflow.com/questions/3110266/how-to-set-default-value-in-hibernate) |
| **@ColumnDefault()** | Set giá trị default cho column  VD1:  @ColumnDefault(“-1”)  @ColumnDefault(“true”)    VD2: default date |
| **@PrePersist**  **Method** | Set giá trị default cho column thông qua method  Thường sử dụng logic để set default cho value |
| **@Nationalized** | Set 1 thuộc tính là kiểu nvarchar trong sql server |
| **@Temporal**(kiểu dữ liệu) | Chuyển đổi kiểu dữ liệu |
| **@Formula** | Tính toán value từ các property khác (không lưu property này trong database, khi query mới tính toán)  Property Formula có thể sử dụng trong subqueries, call native database functions and stored procedures  VD1:    VD2:    <https://www.baeldung.com/hibernate-dynamic-mapping> |